



Nguồn: Sưu tầm

# PHẬT GIÁO DƯỚI THỜI CHÚA NGUYỄN PHÚC CHU

## Tôn Thất Thọ

**C**húa Nguyễn Phúc Chu (1675-1725) được xưng tụng là Quốc chúa hay Minh Vương. Là người rất mộ đạo Phật, ông có pháp hiệu *Thiên Túng Đạo Nhân* hay *Hung Long Cư Sĩ*. Từ khi ông lên ngôi chúa (1691), xứ Đàng Trong được mở mang về mọi phương diện. Các chúa Nguyễn đối với Phật giáo hết sức sùng bái.

Sử cũ kể rằng, năm Ất Ty (1665), một vị sư người Trung Quốc là Thọ Tôn Hòa thượng, huý Nguyễn Thiều, ban đầu trú ngụ ở phủ Quy Ninh (Bình Định) lập chùa Thập Tháp Di Đà, sau ra Thuận Hoá lập chùa Quốc Ân để tiếp tục hoằng pháp. Về sau ngài

Chùa Đại Việt Nguyễn Phúc Chu,  
nổi dòng Đông thượng chánh tông đời thứ  
30, pháp danh Hưng Long đúc chuông lớn  
nặng 3285 cân, để vào chùa Thiên Mỹ,  
cúng Tam bảo lâu dài



Người: Internet

theo lời yêu cầu của chúa Nguyễn Phúc Thái trở về Trung Quốc để mời các danh Tăng Trung Quốc sang truyền đạo. Sư đến Quảng Đông mời được Thạch Liêm Hoà thượng (tức Hoà thượng Thích Đại Sán) cùng rất nhiều danh tăng khác và được đón tiếp vô cùng trọng thị khi trở về nước. Ngài viên tịch dưới thời vua Lê Dụ Tông, niên hiệu Bảo Thái và được chúa Nguyễn Phúc Chu ban thụy hiệu *Hạnh Doan Thiên Sư*. Chúa còn làm bài thơ khắc vào bia đá để tán dương công đức của Ngài.

Thực ra, trước thời Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu, Phật giáo cũng đang có chiều hướng phát triển, nhưng chưa có cương lĩnh và không có nhiều vị sư quảng bác để lãnh đạo. Chính vì thế chúa Nguyễn Phúc Thái (1649-1691) đã phải cho người sang Trung Quốc mời cao tăng đến Đàng Trong nhằm chấn chỉnh Đạo pháp. Kế tục công việc đó, sau này chúa Nguyễn Phúc Chu đã cho người dâng thư xin mời Hoà thượng Thạch Liêm đến hai lần. Trong thời gian lưu lại xứ Đàng Trong, ngoài việc cố vấn cho chúa về lĩnh vực trị nước, Hoà thượng đã giúp đỡ nội phủ rất nhiều trong việc trùng hưng lại đạo Phật. Trong cuốn *Hải ngoại ký sự*, Hoà thượng đã viết: “Lão tăng từ phương xa đến, được Quốc vương, cung kính, thân như cốt nhục... Và lại thần dân trong nước thấy đều quy y Tam bảo, thực là một quốc gia ưa muốn làm lành, rất hiếm có...” (*Hải ngoại ký sự*, sđd, tr.50).

Ngày mùng 1 tháng Tư năm Ất Hợi (1695) tổ chức lễ truyền *Sa di giới*, Quốc chúa mở đàn dâng lễ và mời Hoà thượng Đại Sán thượng đàn thuyết pháp. Sang ngày lễ Phật đàn (mùng 8 tháng 4), Quốc chúa

khai đàn ở Nội viện, có quốc mẫu, công chúa, hậu cung, quyền thuộc... đồng thọ *Bồ tát giới*. Tiếp đó, ngày mùng 9 tháng Tư, Hoà thượng xuất tăng nhân hai hàng, thi lãnh hơn 1.400 tân giới đệ tử, mặc cà sa, cầm bình bát, cử hành lễ cổ Phật khát thực và tạ ơn Quốc chúa đã thành tựu công đức, kể đó chúa cho mời hai Tăng nhân vào cúng chay, đãi trà nhóm tân giới đệ tử và ban thêm 300 quan tiền, 100 thạch gạo sai lính gánh đến chùa Thiên Lâm, lại đem tất cả giới điệp có đóng ấn triện của chúa ban cấp cho Tăng nhân và những người đã tham gia đại lễ trai đàn.

Đến ngày 24 tháng Tư, chúa mời 10 đệ tử của Hoà thượng Thích Đại Sán mở một kỳ sám tụng Đại bi đà la ni. Trước đó, chúa có tham vấn ý kiến của Hoà thượng là những việc cần nên làm, Hoà thượng đáp rằng:

*“Việc trai giới chẳng phải chỉ để giữ cho sạch miệng, sạch mình, sạch tư tưởng mà thôi. Việc trai giới của nhà vua, cần phải đem việc quốc gia trên*



Nguồn: thegioidisan.vn

Nguyên cầu gió hoà mưa  
thuận, nước thịnh dân an,  
chúng sanh trong pháp giới đều  
được vẹn toàn trí tuệ

dưới thanh lý chính tề, không một người nào chưa được yên sở, không một việc nào chưa được thoả đáng, như thế mới gọi là viên mãn. Nay trước hết, nên thanh lý oan ngục, tha tù bị giam cầm, chấn cấp kẻ nghèo thiếu, khởi dụng kẻ yếm trệ, bãi bỏ điều cấm nghiêm khắc, thương xót kẻ buôn bán, thi ân cho thợ thầy. Nói tóm lại, nên đem tất cả công việc giúp người lợi vật, châm chước cử hành. Đến như nghi lễ đàn trường, Tăng chúng y bát, vật dụng hương hao... sẽ kê đơn chế biện...” (Hải ngoại ký sự, sđd, tr.97).

Theo gợi ý của Hòa thượng, chúa cho đại trùng tu chùa Thiên Lâm ở gần phủ Dương Xuân thành cung điện mùa đông. Thiên Lâm từ một cái cốc ba gian lợp bạch ma, trở thành một tòa phương trượng với 5 gian gồm 32 cột, bốn mặt đều có hành lang.

Năm 1710, chúa cho đúc Đại Hồng Chung tại chùa Thiên Mục và làm một bài minh khắc vào chuông đồng để nói lên tâm nguyện của mình:  
“Chúa Đại Việt Nguyễn Phúc Chu, nói dòng Động thượng chánh tông đời thứ 30, pháp danh Hưng Long đúc chuông lớn này nặng 3285 cân, để vào chùa Thiên Mục, cúng Tam bảo lâu dài.  
Nguyện cầu gió hoà mưa thuận, nước thịnh dân an, chúng sanh trong pháp giới đều được vẹn toàn trí tuệ”.

Một tấm bia đá kể lại sự tích của Hoà thượng Thạch Liêm cũng được chúa cho dựng lên ở bên hữu chùa:  
Trời Nam một giải non sông,  
Đây là Việt Quốc, hưng long đời đời.  
Dựng ngôi Bửu Sát lâu dài,



Thiên quan tỏ rạng, mặt trời chiếu lâm.  
Dưới khe nước chảy âm thâm  
Tánh ta trong trẻo êm đềm khác đâu.  
Quốc gia yên vững bền lâu,  
Trong ngoài bốn cõi, một bầu thanh cao.  
Vô vi đức hóa dôi dào,  
Một nhà Nho Thích ra vào hoan hân.  
Khắc ghi thắng cảnh đôi vắn,  
Nhân nhân quả quả chuyển vắn chẳng sai.  
Dựng bia tiêu biểu nơi đây  
Giữ tâm thành chánh chẳng thay đổi nào...”  
(Bản dịch trong Hải ngoại ký sự, sđd, tr.284).

Năm 1714, Quốc chúa cho mua hơn 1.000 quyển Kinh, Luật, Luận và tiếp tục đại trùng tu ngôi cổ tự này. Đánh dấu sự kiện quan trọng đó, chúa làm văn bia, mở đại trai đàn và phát chẩn cho người nghèo suốt cả tháng. Vua Chiêm là Kế Bà Tử cùng hoàng gia Chiêm cũng được mời dự.

Qua sử liệu, vào giai đoạn này, Đàng Trong đã có những vị sư tên tuổi, như: Liễu Quán Hòa thượng hay Hương Hải Thiền sư. Theo sách Việt Nam Phật giáo sử lược thì Hòa thượng Liễu Quán họ Lê, húy

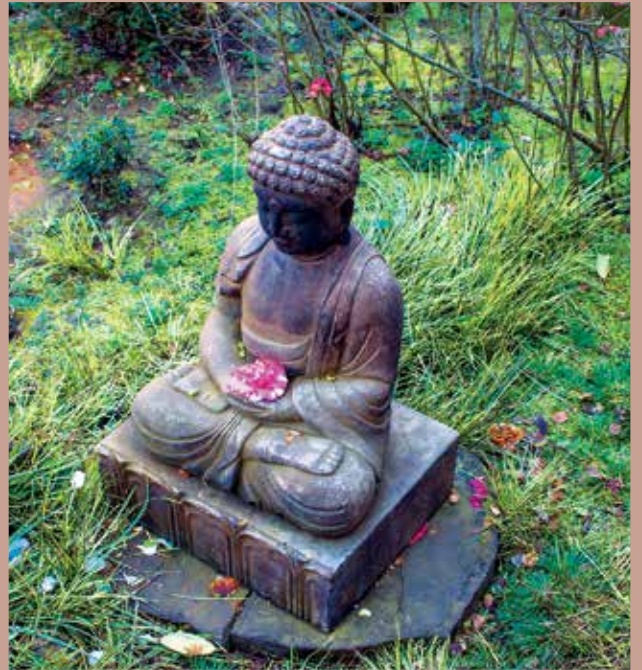


Nguồn: Internet

là Thiệt Diệu, người làng Bạc Mã, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. mồ côi mẹ từ nhỏ, cha cho đến chùa thụ giới với ngài Tế Viên Hòa thượng. Đến năm Ất Hợi (1695), khi cha mất, Ngài trở ra Thuận Hóa xin thọ Sa di giới với Hòa thượng Thạch Liêm. Tiếp đó, Ngài lại thọ *Cụ túc giới* với Từ Lâm lão Hòa thượng. Bắt đầu năm Kỷ Mão (1699), Ngài đi hành đạo khắp nơi, chịu biết bao khó khăn nhưng không bao giờ nản chí.

Năm Nhâm Ngọ (1702) Ngài đến Long Sơn bái yết Từ Dung Hòa thượng cầu dạy phép tham thiền, tiếp tục hoằng dương Phật pháp.

Còn ngài Hương Hải Thiền sư vốn dòng thế phiệt, 18 tuổi đậu Cử nhân, được chọn vào phủ chúa, bổ làm Tri huyện Triệu Phong khi mới 21 tuổi và rất hâm mộ đạo Phật, thường ngày đàm đạo với các danh tăng. Sau ba năm làm việc, Ngài xin từ quan để xuất gia tu đạo. Đạo hạnh Ngài rất cao, quan quân xa gần đều hâm mộ. Chúa Nguyễn Phúc Chu sai người đến mời Ngài về Thuyền Tĩnh viện ở núi Qui Sơn để trụ trì.



Có thể nói, chưa bao giờ Phật giáo Đàng Trong được lưu tâm hộ trì như thời chúa Nguyễn Phúc Chu. Đặc biệt, trong thời gian chúa trị vì, cuộc chiến Trịnh - Nguyễn phân tranh đã chấm dứt, toàn cõi yên ổn, nhân dân quy tụ đông đúc, cảnh tượng thật thái bình.

#### Tài liệu tham khảo

1. Hải ngoại ký sự, Thích Đại Sán, Viện Đại học Huế, 1963.
2. Thích Mật Thể, Việt Nam Phật giáo sử lược, Hội Tăng Ni Bắc Việt XB, 1969.